TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Kiên

bà Đặng Thị Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về: "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh S, David; cư trú tại: USA.

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Ngọc A; cư trú tại: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2023, nguyên đơn anh S, David trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Ngọc A kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân tỉnh Vĩnh Long vào ngày 23/01/2006. Sau khi kết hôn, anh trở về Hoa Kỳ để sinh sống. Vợ chồng không thường xuyên liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng không được mặn nồng. Thời gian sau, anh và chị Nguyễn Thị Ngọc A không còn liên lạc với nhau. Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc A ly thân với nhau từ sau khi đăng ký kết hôn cho

đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc A.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: chị và anh S, David quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 01 đến 02 năm mới kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh S, David ở lại vài ngày rồi trở về Hoa Kỳ. Từ năm 2006 cho đến nay anh S, David có về Việt Nam thăm chị một đến hai lần, mỗi lần về chơi khoảng vài ngày rồi đi. Anh S, David có làm thủ tục bảo lãnh chị sang Hoa Kỳ vào khoảng năm 2007 nhưng khi phỏng vấn 02 lần thì không đạt. Từ năm 2012, anh S, David và chị không còn liên lạc với nhau. Chị xác định chị và anh S, David không còn tình cảm với nhau. Anh S, David yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh S, David và chị Nguyễn Thị Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Xét anh S, David và chị Nguyễn Thị Ngọc A kết hôn vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh S, David quốc tịch Hoa Kỳ với chị Nguyễn Thị Ngọc A là công dân Việt Nam là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại thời điểm thụ lý vụ án, nguyên đơn anh S, David là người nước ngoài không định cư, làm ăn, học tập ở Việt Nam, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc A cư trú tại huyện M, tỉnh Vĩnh Long, đây là vụ án có đương sự ở nước ngoài, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Căn cứ vào Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

[3] Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế giữa anh S, David và chị Nguyễn Thị Ngọc A không còn quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, ai biết bổn phận của người đó, quan hệ hôn nhân giữa hai người chỉ tồn tại trên hình thức, thực chất tình cảm vợ chồng không còn. Anh S, David yêu cầu ly hôn, chị Nguyễn Thị Ngọc A đồng ý. Xét thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình việc anh S, David yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc A là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung anh S, David không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh S, David phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên Tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S, David.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh S, David được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc A.

2. Án phí: anh S, David phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số 484 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Anh S, David và chị Nguyễn Thị Ngọc A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- THADSTVL: 02b;
- UBNDTVL: 01b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tuấn